

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 143/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 10 – 07 – 2019

(*V/việc xin ly hôn*)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Diệp Chí Nguyễn

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hồ Huỳnh Phương Mai

Ông Huỳnh Hoàng Khởi

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Bích Như – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 10 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 406/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2019 về việc xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 379/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Danh Thị G, sinh năm 1993.

Địa chỉ nơi cư trú: ấp R, xã P, huyện V, tỉnh Kiên Giang. (có mặt)

- Bị đơn: Anh Nguyễn Hoàng E, sinh năm 1987.

Địa chỉ nơi cư trú: Nhà không số, đường T, khóm B, phường T, Tp. C, tỉnh Cà Mau. (xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa thể hiện:

Về hôn nhân: Chị G trình bày, chị và anh Hoàng E kết hôn với nhau năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện V, tỉnh Kiên Giang. Trong thời gian chung sống vợ chồng có hạnh phúc đến khi có con thì cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không thể hàn gắn được, hiện vợ chồng đã sống ly thân nhau. Chị G xác định tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với anh Hoàng E.

Ý kiến của anh Hoàng E: Anh Hoàng E trình bày, anh và chị G kết hôn với nhau năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện V, tỉnh Kiên Giang. Trong thời gian chung sống vợ chồng có phát sinh nhiều mâu thuẫn, hiện vợ chồng đã sống ly thân nhau và anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị G.

Về con chung: Chị G xác định có 01 con chung tên Danh Thị Ngọc Y, sinh ngày 27/7/2015, hiện đang sống chung với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ngọc Y, không yêu cầu anh Hoàng E cấp dưỡng nuôi con.

Ý kiến của anh Hoàng E: Anh xác định có 01 con chung tên Danh Thị Ngọc Y, sinh ngày 27/7/2015, hiện đang sống chung với chị G. Khi ly hôn anh đồng ý

giao con cho chị G được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ngọc Y, không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị G và anh Hoàng E xác định không có.

Về nợ chung: Chị G và anh Hoàng E xác định không có.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét đơn yêu cầu của chị Danh Thị G về việc xin ly hôn với anh Nguyễn Hoàng E thuộc lĩnh vực hôn nhân và gia đình được quy định tại Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Anh Hoàng E là bị đơn có địa chỉ cư trú tại khóm B, phường T, Tp. C, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau theo quy định tại Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với anh Hoàng E có ý kiến xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử, phù hợp với theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự nên phiên tòa xét xử vắng mặt anh Hoàng E.

Nội dung:

[2] Về hôn nhân: Chị G và anh Hoàng E kết hôn vào năm 2015, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện V, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận. Xét về mâu thuẫn: Chị G và anh Hoàng E đều xác định nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, cuộc sống không hòa hợp, không thể hàn gắn được, hiện vợ chồng đã sống ly thân nhau. Nay chị G xác định tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn và anh Hoàng E đồng ý. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị G đối với anh Hoàng E.

[3] Về con chung: Chị G và anh Hoàng E xác định có 01 con chung tên Danh Thị Ngọc Y, sinh ngày 27/7/2015, hiện đang sống chung với chị G tại địa chỉ ấp R, xã P, huyện V, tỉnh Kiên Giang. Khi ly hôn chị G yêu cầu tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu anh Hoàng E cấp dưỡng nuôi con. Đối với anh Hoàng E có ý kiến đồng ý giao cháu Ngọc Y cho chị G tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị G về con chung, giao cho chị G tiếp tục nuôi dưỡng cháu Ngọc Y.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chị G là người trực tiếp nuôi con không đặt ra yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị G và anh Hoàng E xác định không có.

[5] Về nợ chung: Chị G và anh Hoàng E xác định không có.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm chị G nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 144, khoản 1 điều 147, 227, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;
 Áp dụng điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Danh Thị G về việc xin ly hôn với anh Nguyễn Hoàng E.

Về con chung: Giao cháu Danh Thị Ngọc Y, sinh ngày 27/7/2015, hiện đang sống chung với chị G tại địa chỉ ấp R, xã P, huyện V, tỉnh Kiên Giang cho chị G tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Hoàng E không trực tiếp nuôi con, nhưng có quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chị G là người trực tiếp nuôi con không đặt ra yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Chị G và anh Hoàng E xác định không có.

Về nợ chung: Chị G và anh Hoàng E xác định không có.

Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình chị G nộp 300.000đ. Vào ngày 08 tháng 5 năm 2019, chị G đã dự nộp 300.000đ tại biên lai số 0000078 được chuyển thu sung quỹ nhà nước.

Chị G có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Hoàng E có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
 THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp.Cà Mau;
- Chi cục THA dân sự TPCM;
- UBND xã Phong Đông, huyện Vĩnh Thuận, Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; án văn.

(Đã ký)

Diệp Chí Nguyễn